TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt và ông Vũ Văn Sánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lý, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2026/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 18/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Sùng Thị C**, sinh năm 1998
CCCD số: 019198008434, dân tộc: H'Mông
Nơi cư trú: xóm A, xã T, tỉnh Thái Nguyên
- *Bị đơn:* **Anh Hoàng Văn N**, sinh năm 1995
CCCD số: 019095010246, Dân tộc: H'Mông
Nơi cư trú: xóm L, xã T, tỉnh Thái Nguyên

(*Chị C có mặt, anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn chị Sùng Thị C trình bày:

Chị C và anh Hoàng Văn N về chung sống với nhau từ khoảng tháng 5 năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2024 anh N đi làm, thỉnh thoảng mới về dẫn đến cuộc sống vợ chồng dần lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, 3 mẹ con chị C về sinh sống tại nhà ngoại, không trở về nhà chồng nữa; đến khoảng tháng 12 năm 2025 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vì bất đồng quan điểm sống, anh N có người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng ly thân, không liên lạc với nhau. Chị C xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: quá trình vợ chồng chung sống có 02 con chung là Hoàng Văn H sinh ngày 06/4/2013 và Hoàng Văn P sinh ngày 25/8/2017, ly hôn chị C có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con; về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh N cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn anh Hoàng Văn N:

Anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có lời khai, không có quan điểm trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - T quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Sùng Thị C. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Sùng Thị C ly hôn anh Hoàng Văn N; về con chung: giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cháu Hoàng Văn H sinh ngày 06/4/2013 và Hoàng Văn P sinh ngày 25/8/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: buộc anh N cấp dưỡng nuôi các con theo quy định. Về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không yêu cầu. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Bị đơn có nơi cư trú tại xóm L, xã T, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về sự vắng mặt của bị đơn: phiên tòa được mở lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ khi chưa đủ tuổi kết hôn, nhưng đến khi đủ tuổi đã thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Qua lời khai của nguyên đơn thấy: quá trình vợ chồng chung sống anh N đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt và có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2025 cho đến nay.

Bị đơn không có quan điểm, không trình bày lời khai, không có bất kỳ hành động nào để hàn gắn hai vợ chồng, không quan tâm đến việc nguyên đơn khởi kiện ly hôn. Xác minh tại địa phương xác định được bị đơn đi làm ăn xa, ít khi về nhà, chỉ về nhà dịp lễ, tết xong lại đi ngay.

Như vậy mặc dù nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng thực tế giữa hai người đã không còn chung sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, đã ly thân được một thời gian. Việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, không thể ép buộc nguyên đơn tiếp tục chung sống với bị đơn trái với ý chí, nguyện vọng của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.2]. Về con chung: nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Hoàng Văn H sinh ngày 06/4/2013 và Hoàng Văn P sinh ngày 25/8/2017.

Ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nhận nuôi hai con, bị đơn không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có căn cứ xem xét nguyện vọng của bị đơn, thực tế bị đơn không có mặt ở địa phương, không có quan điểm trình bày nên giao các cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu. Bị đơn có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn đề nghị bị đơn cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của

nguyên đơn là chính đáng, để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu cho các cháu nên được chấp nhận. Do bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, không có căn cứ để xem xét quan điểm của bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: "*...Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*", hiện nay địa bàn xã T thuộc vùng 4, mức lương tối thiểu vùng là 3.700.000 đồng/ tháng, nên buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí*:* Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về vấn đề khác*:* Căn cứ các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định chị Sùng Thị C và anh Hoàng Văn N tảo hôn và sinh con đầu lòng khi chị C chưa đủ 16 tuổi, anh N chưa đủ 18 tuổi, vi phạm quy định Luật Hôn nhân và gia đình, tuy nhiên xét thấy do phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi hai bên đủ tuổi đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và chung sống với nhau thời gian dài trước khi ly hôn, kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên cần có các biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân để tránh xảy ra các tình trạng tảo hôn và sinh con khi chưa đủ tuổi theo quy định.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên về áp dụng pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 15/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sùng Thị C ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Sùng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cháu Hoàng Văn H sinh ngày 06/4/2013 và Hoàng Văn P sinh ngày 25/8/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Văn H, Hoàng Văn P số tiền 2.000.000 đồng/tháng/cháu, kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu H, cháu P đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Sùng Thị C. Anh Hoàng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,36 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 5 - TN;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Thần Sa, tỉnh TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Huyền